

TỪ VỰNG, TỪ MỚI UNIT 3 SGK TIẾNG ANH 5

Tiếng Anh	Phiên âm	Tiếng Việt
holiday	/həʊlədi/	kỳ nghỉ
weekend	/wi:kend/	ngày cuối tuần
trip	/trip/	chuyến đi
Island	/aɪlənd/	Hòn đảo
imperial city	/im'piəriəl siti/	kinh thành
ancient	/eɪnʃənt/	cổ, xưa
town	/taun/	thị trấn, phố
bay	/bei/	vịnh
seaside	/si:'saɪd/	Bờ biển
really	/riəli/	thật sự
great	/greɪt/	tuyệt vời
airport	/eəpɔ:t/	sân bay
(train) station	/treɪn streɪʃn/	nhà ga (tàu)
swimming pool	/swɪmɪŋ pu:l/	Bể bơi
railway	railway	đường sắt (dành cho tàu hỏa)
by	/baɪ/	bằng (phương tiện gì đó)
train	/treɪn/	tàu hỏa
car	/kɑ:(r)/	ô tô
taxi	/'tæksi/	xe taxi
plane	/pleɪn/	máy bay
underground	/ʌndəgraʊnd/	tàu điện ngầm
motorbike	/məʊtəbaɪk/	xe máy
boat	/bəʊt/	tàu thuyền
hometown	/həʊmtaʊn/	quê hương
province	/prɒvɪns/	tỉnh
classmate	/kla:smeɪt/	bạn cùng lớp
family	/fæmɪli/	gia đình
picnic	/pɪknɪk/	chuyến đi dã ngoại